

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
				10%					30%	60%	100%		
					1	1	1	1					
1	2113710534	Nguyễn Ngọc Thanh An	N21DLK1	8	6	7.5	7	8.5	7.3	6.0	6.6	Sáu phẩy Sáu	
2	2112710533	Hồ Thị Vân Anh	N21DLK1	7	9	9	0	6	6.0	V	0.0	Không	
3	2113710567	Phan Văn Biên	N21DLK1	9	7	6.5	6	6.5	6.5	3.5	0.0	Không	
4	2113710568	Nguyễn Việt Hải	N21DLK1	9	8	8	7	8	7.8	7.0	7.4	Bảy phẩy Bốn	
5	2113710535	Đinh Việt Hùng	N21DLK1	6	5	5	5	6	5.3	5.0	5.2	Năm phẩy Hai	
6	2112710554	Đào Thị Mỹ Linh	N21DLK1	7	8.5	9	8.5	8.5	8.6	8.0	8.1	Tám phẩy Một	
7	2113710538	Lưu Văn Lợi	N21DLK1	9	8	8	7	9	8.0	7.0	7.5	Bảy phẩy Năm	
8	2112710569	Trần Triệu Ánh Luy	N21DLK1	7	5	5	5	7.5	5.6	3.5	0.0	Không	
9	2112710527	Nguyễn Thị Lý	N21DLK1	10	8	9	8	7.5	8.1	6.0	7.0	Bảy	
10	2112710540	Trần Thị Kiều Mi	N21DLK1	9	8	7	6	8.5	7.4	7.0	7.3	Bảy phẩy Ba	
11	2112710590	Vũ Hoàng Thảo My	N21DLK1	8	8	8	9	8.5	8.4	7.5	7.8	Bảy phẩy Tám	
12	2112710528	Lê Thị Diệu My	N21DLK1	6	8	8	9	8.5	8.4	7.5	7.6	Bảy phẩy Sáu	
13	2112710531	Nguyễn Thị Minh Nữ	N21DLK1	7	8	7	7	8.5	7.6	7.0	7.2	Bảy phẩy Hai	
14	2113110501	Trần Trung Nghĩa	N21DLK1	6	7	6	5	6	6.0	5.0	5.4	Năm phẩy Bốn	
15	2112710530	Lý Thị Nhi	N21DLK1	10	8	9	9	8.5	8.6	7.0	7.8	Bảy phẩy Tám	
16	2112710532	Nguyễn Thị Yên Nhi	N21DLK1	9	6	6	5	6.5	5.9	5.0	5.7	Năm phẩy Bảy	
17	2112710544	Phan Như Quỳnh	N21DLK1	8	7	7.5	5	7.5	6.8	3.5	0.0	Không	
18	2112710541	Nguyễn Đặng Ngọc Sương	N21DLK1	5	5	5	5	7.5	5.6	V	0.0	Không	
19	2112710586	Trần Thị Thủy Tiên	N21DLK1	10	9	10	9	9	9.3	7.5	8.3	Tám phẩy Ba	
20	2113710537	Nguyễn Chánh Tín	N21DLK1	9	7	6.5	6	8	6.9	5.0	6.0	Sáu	
21	2112710551	Đỗ Nguyễn Thanh Tuyền	N21DLK1	10	8	8	9	9	8.5	6.0	7.2	Bảy phẩy Hai	
22	2112710583	Nguyễn Thị Bích Thảo	N21DLK1	6	8	7	8.5	8	7.9	6.0	6.6	Sáu phẩy Sáu	
23	2113710559	Huỳnh Hoàng Thiện	N21DLK1	8	5	5	5	6	5.3	5.0	5.4	Năm phẩy Bốn	
24	2112710553	Lê Thị Giao Thủy	N21DLK1	7	7	6	5	8	6.5	5.0	5.7	Năm phẩy Bảy	
25	2112710578	Võ Thị Anh Thư	N21DLK1	9	7	6	6	8	6.8	5.0	5.9	Năm phẩy Chín	
26	2112710600	Nguyễn Hồ Anh Thy	N21DLK1	6	8	8.5	9	8	8.4	6.5	7.0	Bảy	
27	2112710576	Đậu Thị Thu Trà	N21DLK1	7	7.5	7.5	7	7.5	7.4	6.0	6.5	Sáu phẩy Năm	
28	2112710545	Huỳnh Thị Thanh Uyên	N21DLK1	5	8	7	8.5	5	7.1	7.0	6.8	Sáu phẩy Tám	
29	2112710585	Huỳnh Phạm Thu Uyên	N21DLK1	5	7	7	7.5	0	5.4	V	0.0	Không	
30	2113710558	Hoàng Quốc Vững	N21DLK1	8	9	10	9	10	9.5	8.5	8.8	Tám phẩy Tám	
31	2112710572	Đào Thị Thúy Vy	N21DLK1	6	6	7	6	6	6.3	6.0	6.1	Sáu phẩy Một	
32	2112710581	Ngô Thị Ánh Dương	N21DLK1	2	7	0	0	0	1.8	CT	0.0	Không	Cấm thi,
33	2113710584	Vũ Tấn Đạt	N21DLK1	0	0	0	0	0	0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
34	2112710566	Nguyễn Thị Ngọc Hà	N21DLK1	1	8	0	0	0	2.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
35	2112710543	Mai Thị Ái Linh	N21DLK1	0	0	0	0	0	0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
36	2113210602	Nguyễn Đắc Nam	N21DLK1	0	0	0	0	0	0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
37	2112710574	Lê Thị Hồng Nga	N21DLK1	3	2	4	0	7.5	3.4	CT	0.0	Không	Cấm thi,
38	2112710610	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	N21DLK1	4	5	2	5	6.5	4.6	CT	0.0	Không	Cấm thi,
39	2113710562	Phạm Sơn Nhật Quang	N21DLK1	3	7	6	0	6	4.8	CT	0.0	Không	Cấm thi,

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
40	2113710597	Tôn Thất Tài	N21DLK1	0	0	0	0	0	0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
41	2112710623	Lê Mai Nguyệt Thảo	N21DLK1	0	0	0	0	0	0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
42	2112710580	Lê Thị Trâm Anh	N21DLK2	8	7	8	6	8	7.3	5.0	6.0	Sáu	
43	2113710595	Mai Ngọc Dũng	N21DLK2	7	8	7.5	6	7	7.1	7.0	7.0	Bảy	
44	2113710536	Nguyễn Minh Duy	N21DLK2	0	0	0	0	0	0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
45	2113710607	Đoàn Đức Phương Đông	N21DLK2	3	6	0	0	0	1.5	CT	0.0	Không	Cấm thi,
46	2113710587	Hồng Phương Đức	N21DLK2	0	0	0	0	0	0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
47	2113710588	Phan Hoài Đức	N21DLK2	2	7	0	0	0	1.8	CT	0.0	Không	Cấm thi,
48	2112710589	Võ Thị Mỹ Hạnh	N21DLK2	10	9	8	8	8	8.3	3.5	0.0	Không	
49	2113710608	Dương Ngọc Hoàng	N21DLK2	8	7	7	5	7	6.5	3.0	0.0	Không	
50	2113710605	Võ Tiến Hưng	N21DLK2	1	8.5	0	0	0	2.1	CT	0.0	Không	Cấm thi,
51	2113710529	Huỳnh Đình Kìng	N21DLK2	1	10	10	0	0	5.0	CT	0.0	Không	Cấm thi do V
52	2113710555	Nguyễn Hùng Kỳ	N21DLK2	7	5	5	5	8.5	5.9	4.0	0.0	Không	
53	2113710619	Lê Bá Khang	N21DLK2	6	5	5	5	7	5.5	4.0	0.0	Không	
54	2113710542	Nguyễn Duy Khánh	N21DLK2	6	6.5	6.5	0	8	5.3	5.0	5.2	Năm phẩy Hai	
55	2112710550	Võ Thị Như Lai	N21DLK2	10	9	9	9	8	8.8	5.5	6.9	Sáu phẩy Chín	
56	2113710582	Nguyễn Hoàng Lâm	N21DLK2	8	7	6	7.5	7	6.9	6.5	6.8	Sáu phẩy Tám	
57	2113710579	Ngô Lê Bảo Linh	N21DLK2	7	7	6.5	8	7	7.1	3.5	0.0	Không	
58	2113710561	Trần Đại Linh	N21DLK2	10	8	8	6	7	7.3	3.5	0.0	Không	
59	2113710620	Nguyễn Nho Luân	N21DLK2	6	7.5	8	0	7	5.6	V	0.0	Không	
60	2112710609	Đặng Hương Hương Ly	N21DLK2	3	8.5	7.5	7	5	7.0	CT	0.0	Không	Cấm thi do V
61	2112710549	Võ Thị Như Ly	N21DLK2	10	8	9	9	8	8.5	6.0	7.2	Bảy phẩy Hai	
62	2113710606	Võ Tấn Minh	N21DLK2	6	6	6	5	5	5.5	4.0	0.0	Không	
63	2112710621	Lương Nguyễn Bảo Nguyên	N21DLK2	8	8	9	9	8	8.5	6.0	7.0	Bảy	
64	2112710611	Đỗ Thị Yến Nhi	N21DLK2	5	7	7.5	7	7	7.1	3.0	0.0	Không	
65	2113710577	Nguyễn Hoàng Phúc	N21DLK2	0	0	0	0	0	0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
66	2113710565	Nguyễn Ngọc Quang	N21DLK2	9	10	9	10	10	9.8	7.0	8.0	Tám	
67	2112710573	Lê Thị Ka Ru	N21DLK2	10	7	6.5	6	8	6.9	3.5	0.0	Không	
68	2113710557	Ngô Tiến	N21DLK2	6	7.5	7.5	8	8	7.8	5.0	5.9	Năm phẩy Chín	
69	2113710547	Trần Phước Tiến	N21DLK2	10	6	7	6	7	6.5	3.5	0.0	Không	
70	2112710593	Lê Thị Kim Tuyền	N21DLK2	7	8	7	6	7	7.0	6.0	6.4	Sáu phẩy Bốn	
71	2113710598	Lê Bá Thái	N21DLK2	7	7	7	6	7	6.8	5.0	5.7	Năm phẩy Bảy	
72	2113710622	Võ Quang Thái	N21DLK2	1.5	0	0	0	0	0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
73	2112710575	Trần Thị Thảo	N21DLK2	6	9	7	7.5	8	7.9	7.0	7.2	Bảy phẩy Hai	
74	2113710591	Nguyễn Văn Thịnh	N21DLK2	8	6	6	5	7.5	6.1	3.0	0.0	Không	
75	2112710599	Lê Đoàn Kim Thịnh	N21DLK2	0	0	0	0	0	0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
76	2112710571	Phạm Uyên Thúy	N21DLK2	9	8	8	8	8	8.0	5.0	6.3	Sáu phẩy Ba	
77	2112710548	Đinh Thị Thùy Trang	N21DLK2	10	9	9	8	8	8.5	5.0	6.6	Sáu phẩy Sáu	
78	2112710560	Nguyễn Thị Thùy Trang	N21DLK2	10	8	8	8	8	8.0	6.0	7.0	Bảy	
79	2113710556	Nguyễn Chí Trung	N21DLK2	7	8	6	8	8	7.5	5.0	6.0	Sáu	
80	2112710624	Phạm Lê Nhã Uyên	N21DLK2	8	6	8	0	0	3.5	CT	0.0	Không	Cấm thi,

Ngày thi: 09/03/2016

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần						ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ							SỐ	CHỮ	
81	2112710546	Trần Thị Hồng	Vĩ	N21DLK2	8	8	8	6.5	7.5	7.5	6.0	6.7	Sáu phẩy Bảy	
82	2113710539	Đỗ Huy Hùng	Việt	N21DLK2	0	0	0	0	0	0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
83	2113710564	Phan Minh	Vũ	N21DLK2	1	3	0	0	7	2.5	CT	0.0	Không	Cấm thi,
84	2113710618	Ông Huy	Hoàng	N21DLK2	7	10	9	9	7.5	8.9	8.5	8.5	Tám phẩy Năm	
85	2113710625	Tiêu Đình	Hòa	N21DLK2	5	8	9	8	7.5	8.1	7.5	7.4	Bảy phẩy Bốn	
86	1913711410	Nguyễn Đình	Bá	N21DLK2	0	0	0	0	0	0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	44	51%	
2	Số sinh viên nợ	42	49%	
TỔNG CỘNG :		86	100%	

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 03 năm 2016

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Nguyễn Ân